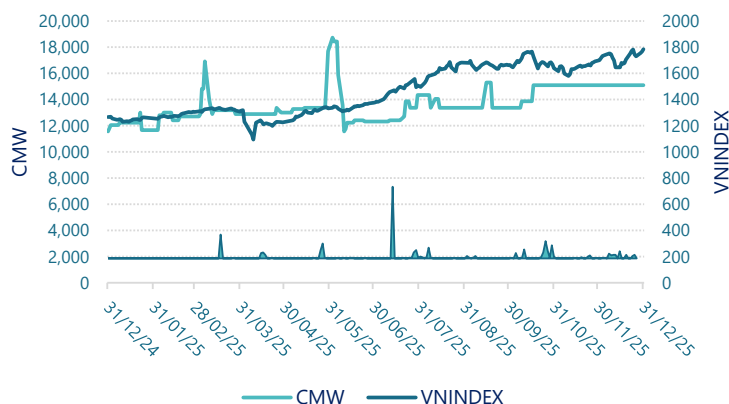


CTCP Cấp nước Cà Mau (UPCOM: CMW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,732
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	11,564
SL cổ phiếu LH	15,534,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	235
P/E	12.5
EPS	1,208

DT thuần

Q4/25

38.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.60 | 1.7%

YoY: ▲ 5.60 | 17.4%

LN sau thuế

Q4/25

4.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.06 | 78.7%

YoY: ▲ 3.01 | 180%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

17.2%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

2025

153

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0 | 12.7%

LN sau thuế

2025

18.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.60 | 32.1%

ROE

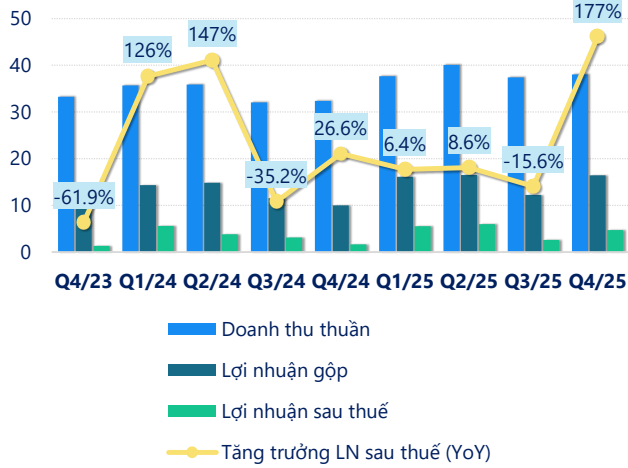
2025

10.6%

+/- YoY: ▲ 2.4%

tỷ VNĐ

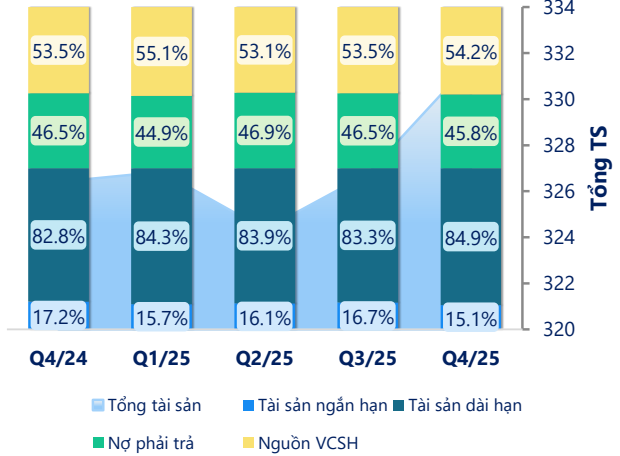
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

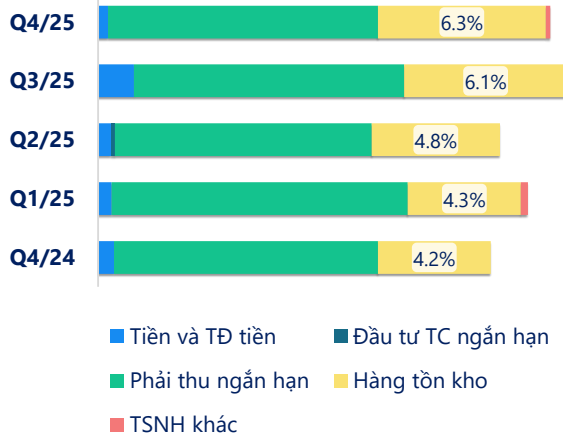
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



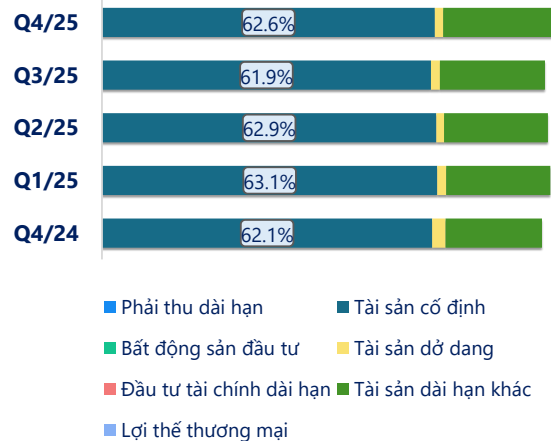
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

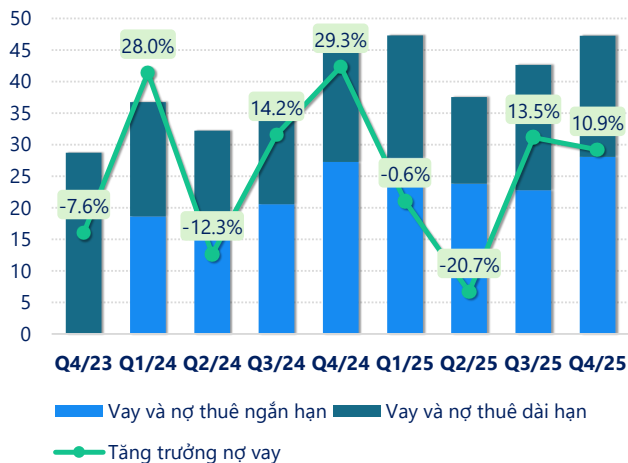
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

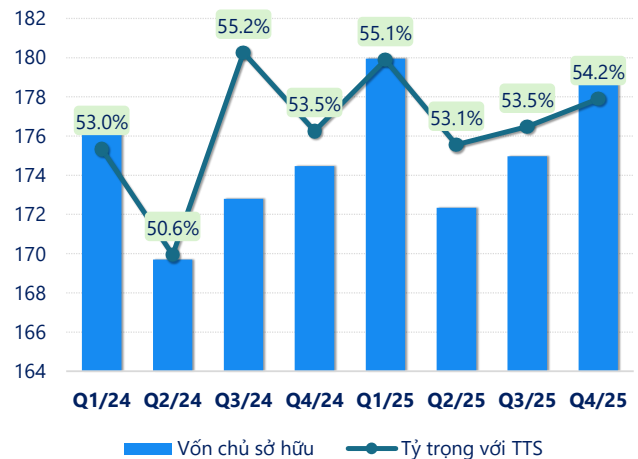
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

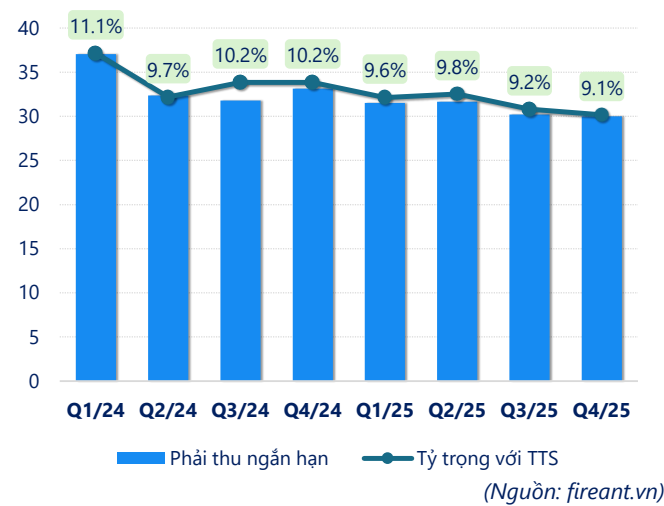
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

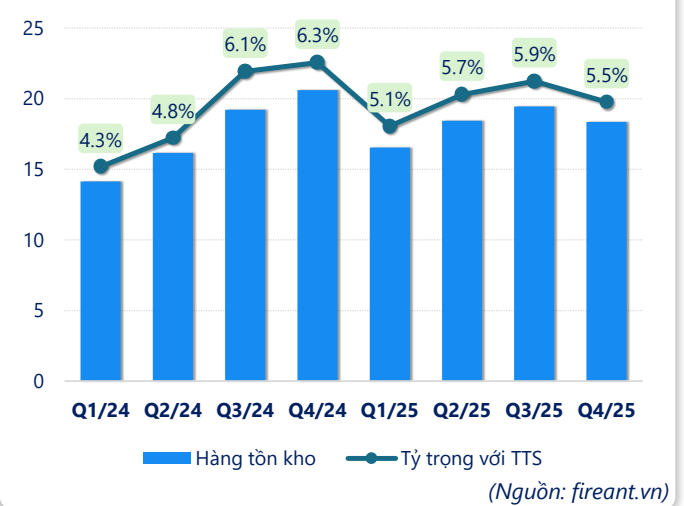


(Nguồn: fireant.vn)

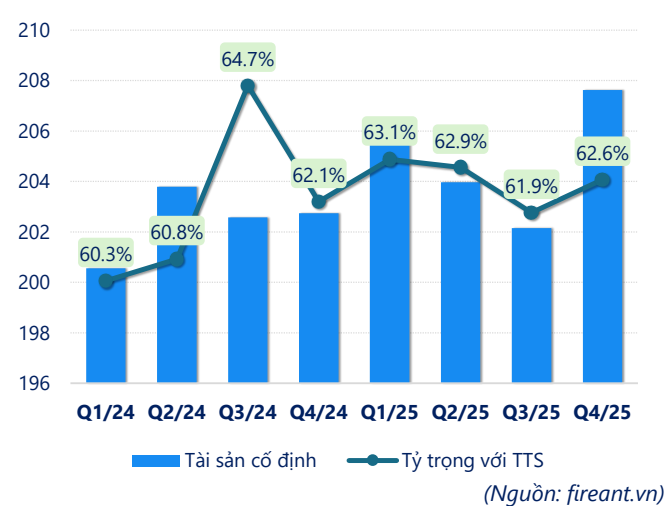
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


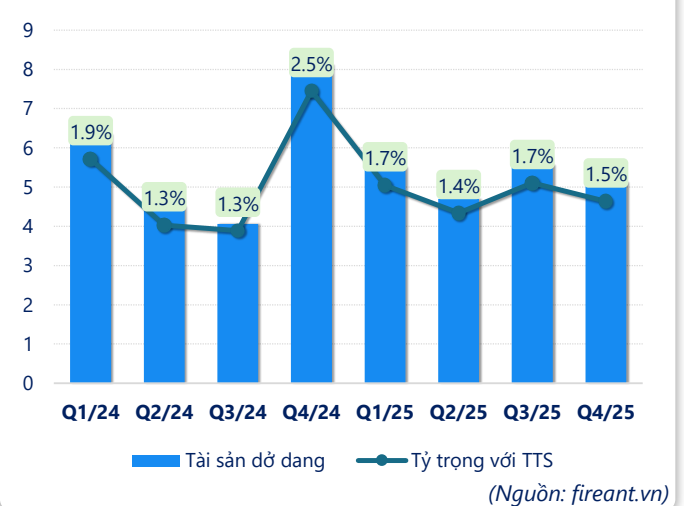
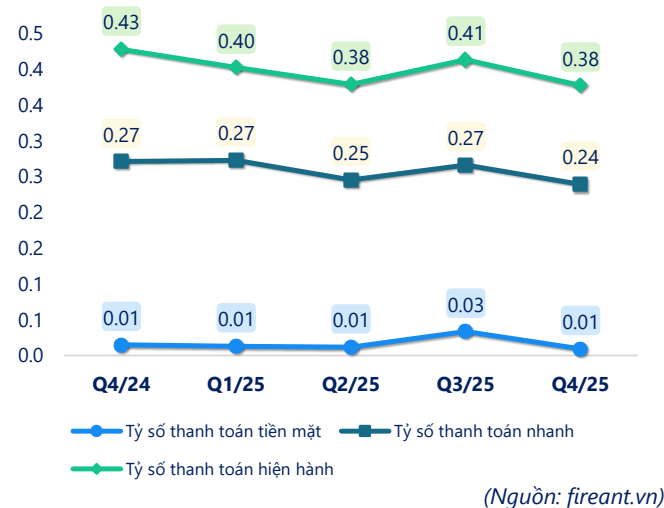
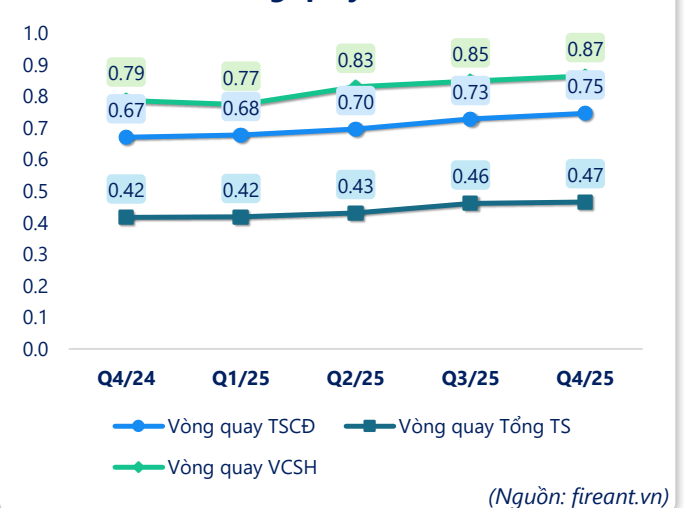
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	326	327	324	327	332
Tài sản ngắn hạn	56.3	51.3	52.4	54.6	50.1
Tiền và tương đương tiền	1.96	1.66	1.58	4.42	1.23
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	0.50	0.50	0.50
Phải thu ngắn hạn	33.1	31.5	31.6	30.2	30.0
Hàng tồn kho	20.6	16.5	18.4	19.4	18.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	1.09	0.21	0	0
Tài sản dài hạn	270	276	272	272	282
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	203	206	204	202	208
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	8.11	5.50	4.69	5.56	5.13
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	59.3	63.9	63.3	64.5	68.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	152	147	152	152	152
Nợ ngắn hạn	132	127	138	132	133
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.3	27.9	23.8	22.8	28.1
Phải trả người bán ngắn hạn	15.5	12.6	11.1	0.47	3.93
Nợ dài hạn	20.3	19.4	13.7	19.9	19.2
Vay và nợ thuê dài hạn	20.3	19.4	13.7	19.9	19.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	174	180	172	175	180
Vốn chủ sở hữu	174	180	172	175	180
Vốn điều lệ	155	155	155	155	155
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)